TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 05-06-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống.

Bà Huỳnh Ngọc Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 04 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 05 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Lê Thành P, tên gọi khác: C, H xì ke, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2000 tại xã Tân A, huyện H, tỉnh Cà Mau.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp Đường K, xã Tân A, huyện H, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp Đường K, xã Tân A, huyện H, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh M và bà Lê Nhựt T; Anh chị em ruột 03 người (lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2007); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 04/12/2017 bị Công an thị trấn Rạch Gốc ra quyết định xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa nộp phạt. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/01/2019 (có mặt).

2/ *Họ và tên:* Cao Văn T, tên gọi khác: T, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp Xóm Lớn N, xã V, huyện C, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp Xóm Lớn N, xã V, huyện C, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị T; Anh chị

em ruột 06 người (lớn nhất sinh năm 1950, nhỏ nhất là bị cáo); Vợ tên Trần Bích T, sinh năm 1979 đã ly hôn; Con: Không; Tiền án, tiền sự: Không (có mặt).

Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 26/02/2019.

- *Bị hại:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Bà K, xã Viên A, huyện H, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1941 (mẹ bị cáo T) (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Xóm Lớn N, xã V, huyện C, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Trần Trung N, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Đường K, xã Tân A, huyện H, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Trần Thu P, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn N, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 29/01/2019 Lê Thành P nhậu cùng với Lâm Văn N, Trần Vũ L tại ấp Ông T, xã A, huyện H, tỉnh Cà Mau. Đến khoảng 22 giờ có Trần Văn N đi ngang nên N rủ N vào nhậu chung. Nhậu đến khoảng 02 giờ ngày 30/01/2019 N rủ P đi lên Cái Nước chơi thì P đồng ý nên P dùng xe mô tô biển kiểm soát số 95B1 – 260.21 (xe P mượn của ông Trần Trung N) để chở N đi, khi N lên xe thì P thấy trên cổ của N có đeo sợi dây chuyền vàng. Khi P chở N đi đến cầu Năm Căn thì P nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền của N đang đeo để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Khi đi đến đoạn lộ cách cầu Trại Lưới 88,5m thuộc ấp Trường Đức, xã Lâm Hải thì N kêu P dừng xe để N đi vệ sinh, lúc này N đứng cách nơi P đậu xe khoảng 8,2m để đi tiểu thì P tay phải điều khiển xe chạy đến gần N, dùng ngón trỏ của bàn tay trái móc giật sợi dây chuyền trên cổ của N rồi điều khiển xe đi đến nhà của Cao Văn T thuộc ấp Xóm Lớn N, xã V, huyện C. Khi gặp P thì T thấy sợi dây chuyền nên hỏi P: Sợi dây chuyền ở đâu có? P trả lời mới đi "đua" có được; T hỏi "đua" là gì? P trả lời "đua" là mới cướp giật được.

Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 30/01/2019, P nhờ T bán giùm sợi dây chuyền thì T đồng ý, P dùng xe mô tô biển kiểm soát số 95B1 – 260.21 chở T đến tiệm vàng Thanh T do bà Trần Thu P làm chủ thuộc khóm 2, thị trấn N, huyện C để bán sợi dây chuyền được số tiền 4.601.000 đồng. Số tiền này, P chia cho T 600.000 đồng tiền công đi bán vàng và cho T mượn 1.000.000 đồng, P cho mẹ của T là bà Nguyễn Thị T 200.000 đồng. Số tiền còn lại P chi xài cá nhân. Đối với ông Trần Văn N sau khi bị P cướp giật tài sản đã đến Công an xã Lâm Hải trình báo sự việc.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Năm Căn tiến hành mời P và T về trụ sở làm việc và thu giữ trên người P số tiền 131.000 đồng, thu giữ của T số tiền 1.200.000 đồng. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Năm Căn đến tiệm vàng Thanh T do bà Trần Thu P làm chủ tạm giữ sợi dây chuyền mà Cao Văn T và Lê Thành P đã bán cho bà P.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02/KL-HĐĐG ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Năm Căn kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K (loại vàng 61%), trọng lượng 2,15 chỉ trên địa bàn huyện Năm Căn tại thời điểm tháng 01/2019 có giá trị: 2.420.000 đồng/chỉ x 2,15 chỉ = 5.203.000 đồng (năm triệu hai trăm lẻ ba ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 23 tháng 04 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau truy tố đối với bị cáo Lê Thành P về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự, truy tố đối với bị cáo Cao Văn T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thành P từ 03 đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Cao Văn T từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, không đề cập xử lý.

Vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiêu hủy 01 USB lưu hình ảnh trích xuất từ camera an ninh tại tiệm vàng Thanh T.

- Đối với bị cáo P, bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Đối với số tiền gia đình bị cáo P bà Lê Nhựt T tự nguyện nộp là 3.270.000 đồng khắc phục hậu quả không yêu cầu bị cáo T trả lại 400.000 đồng và bà T trả lại 200.000 đồng nên không đề cập xem xét.

Ngoài ra tại phiên tòa bị cáo P khai có dùng 1.000.000 đồng mua ma túy sử dụng nhưng bị cáo P không biết họ tên, địa chỉ của người bán ma túy ở đâu, chỉ thông qua điện thoại và giao nhận ma túy.

Các bị cáo có lời nói sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm về với gia đình, chí thú làm ăn, sống có ích cho gia đình và xã hội.

- Đối với bị hại ông Trần Văn N về trách nhiệm dân sự không yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị hại vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

Đối với ông Trần Trung N xác định xe do P ở chung nhà nên tự ý lấy chìa khóa lấy xe đi ông N không hay biết, hiện ông N đã nhận lại xe nên không yêu cầu gì khác.

Đối với bà P đã nhận lại được số tiền 4.601.000 đồng tiền mua vàng của các bị cáo nên không yêu cầu gì thêm.

Đối với bà Nguyễn Thị T xác định số tiền 200.000 đồng, bị cáo P tự nguyện cho bà, bà T không biết nguồn gốc số tiền này là do P cướp giật tài sản bán mà có. Hiện bà đã tiêu xài hết nên không còn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Năm Căn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo P và bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 02 giờ ngày 30/01/2019 Lê Thành P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 95B1-260.21 đến đoạn gần cầu Trại Lưới thuộc ấp Trường Đức, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau mục đích để giật tài sản của N, lợi dụng lúc N đi vệ sinh thì P tay phải điều khiển xe, tay trái dùng ngón trỏ móc giật sợi sây chuyền bằng vàng 18K của N đang đeo trên cổ rồi nhanh chóng chạy trốn. Sau đó P đến nhà Cao Văn T và nói cho T biết việc cướp giật sợi dây chuyền của N, P rủ T đi bán sợi dây chuyền thì T đồng ý. P và T đến tiệm vàng Thanh T do bà Trần Thu P làm chủ bán được số tiền 4.601.000 đồng, P và T chia nhau chi xài cá nhân.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02/KL-HĐĐG ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Năm Căn kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K (loại vàng 61%), trọng lượng 2,15 chỉ trên địa bàn huyện Năm Căn tại thời điểm tháng 01/2019 có giá trị: 2.420.000 đồng/chỉ x 2,15 chỉ = 5.203.000 đồng (năm triệu hai trăm lẻ ba ngàn đồng).

Xét hành vi của bị cáo P là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật và sẽ bị pháp luật xử lý. Nhưng vì lười lao động, để có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo bất chấp hậu quả phạm tội. Hành vi trên của bị cáo đã xâm

phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Do đó cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người công dân tốt sống có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Cao Văn T, khi được bị cáo P rủ đi bán sợi dây chuyền, bị cáo không ngăn cản mà đồng ý cùng P đi bán vàng, trong khi bị cáo T biết rõ sợi dây chuyền này là do P cướp giật mà có. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo vì động cơ vụ lợi, bản chất tham lam, hám lợi nên mới tiếp tay tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Do vậy cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 23 tháng 4 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn truy tố hành vi của bị cáo P đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và truy tố hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo P và bị cáo T không có tình tiết tăng nặng. Nhưng riêng đối với bị cáo P có nhân thân không tốt là bị Công an thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo bị xử phạt 1.000.000 đồng đến nay bị cáo P vẫn chưa nộp phạt.

Tình tiết giảm nhẹ: Đối với bị cáo P: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo T: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thật thà khai báo, ăn năn hối cải; nhận thức pháp luật còn hạn chế nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo P khai nhận có dùng 1.000.000 đồng mua ma túy sử dụng từ số tiền phạm tội mà có. Tuy nhiên bị cáo xác định bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ của người bán ma túy, chỉ thông qua điện thoại và giao ma túy. Vì vậy chưa đủ căn cứ để xử lý người bán, do đó khi nào điều tra được sẽ xử lý sau.

Ngoài ra trong vụ án này còn có bà Trần Thu P chủ tiệm vàng Thanh T: Khi Lê Thành P và Cao Văn T đến bán vàng thì bà không biết sợi dây chuyền này là do chiếm đoạt của người khác mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý bà P là có căn cứ.

Đối với ông Trần Trung N là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 95B1-260.21. Khi P sử dụng xe của ông N dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi Cướp giật tài sản thì ông N không biết nên Cơ quan điều tra không xử lý ông N là có căn cứ.

Đối với bà Nguyễn Thị T: Sau khi bán vàng, P có cho bà T số tiền 200.000 đồng, bà T không biết nguồn gốc số tiền này là do P cướp giật tài sản của người khác bán mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý bà T là có căn cứ.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 USB trích xuất từ camera an ninh của tiệm vàng Thanh T hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 4 năm 2019. Do không thể lưu trữ giữ liệu và bảo quản lâu được nên cần tiêu hủy theo quy định tại các Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 2 Điều 171 và điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Lê Thành P (tên gọi khác: C xì ke) phạm tội "Cướp giật tài sản"; xử phạt bị cáo Lê Thành P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 31/01/2019.

- Khoản 1 Điều 323 và điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Cao Văn T (tên gọi khác: T) phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; xử phạt bị cáo Cao Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiêu hủy 01 USB do Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn đang quản lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trần Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Trần Thu P đã được khắc phục hậu quả và không có yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Thành P và bị cáo Cao Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Sở tư pháp;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện Năm Căn;
- VKSND huyện Năm Căn;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia TT;
- Lưu HS, VT.

Lê Minh Khánh